ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1325/QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 25 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hoá thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 180/TTr-SNNMT ngày 24 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo quyết định này chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể:

1. Cấp tỉnh: 17 thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản.
2. Cấp huyện: 03 thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản.

(Phụ lục Danh mục thủ tục hành chính đính kèm)

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế 20 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thủy sản, gồm 17 thủ tục hành chính cấp tỉnh và 03 thủ tục hành chính cấp huyện được công bố tại Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Các nội dung khác tại Quyết định này vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị; triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho người dân theo quy định tại Quyết định này.

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử của giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này làm cơ sở để Sở Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện cấu hình, cập nhật quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện cập nhật nội dung các thủ tục hành chính đã được công bố trên Cổng dịch vụ công của tỉnh để công khai; cấu hình quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đã được công bố trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định. Thực hiện cấu hình, tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Phục vụ

hành chính công tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Đồng Nai; Đài PT- TH Đồng Nai;
- Tổng đài DVC 1022 (phối hợp công khai);
- Lưu: VT, KTN, HCC, Cổng TTĐT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THỦY SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 25/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý[1]	Ghi chú [2]
I	**CẤP TỈNH**							
1	1.004923	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	63 ngày	a) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích. b) Nộp trực tuyến: Nộp trên cổng dịch vụ công cấp tỉnh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	- Cơ quan thực hiện: UBND tỉnh Đồng Nai	Chưa quy định	- Luật 18/2017/QH14; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường*

[1] ***Phần chữ In nghiêng là Nội dung sửa đổi, bổ sung***

[2] ***Đã được cập nhật công khai trên Cổng dịch vụ công Quốc gia***

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý[1]	Ghi chú [2]
2	1.004921	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	- Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng:7 ngày làm việc; - Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: 63 ngày.	a) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích. b) Nộp trực tuyến: Nộp trên cổng dịch vụ công cấp tỉnh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	- Cơ quan thực hiện: UBND tỉnh Đồng Nai	Chưa quy định	- Luật 18/2017/QH14; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý[1]	Ghi chú [2]
3	1.004918	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thuỷ sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)	13 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới; 03 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại	a) Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. b) Nộp trực tuyến: Nộp trên cổng dịch vụ công cấp tỉnh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản.	Chưa quy định	- Luật 18/2017/QH14; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; - Thông tư 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý[1]	Ghi chú [2]
4	1.004915	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	13 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới; 03 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại	a) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích. b) Nộp trực tuyến: Nộp trên cổng dịch vụ công cấp tỉnh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản.	5.700.000 VNĐ	- Luật 18/2017/QH14; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 112/2021/TT-BTC ngày 15/12/2021;	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý[1]	Ghi chú [2]
5	1.004913	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	a) Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. b) Nộp trực tuyến: Nộp trên cổng dịch vụ công cấp tỉnh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản.	Chưa quy định	- Luật 18/2017/QH14; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý[1]	Ghi chú [2]
6	1.004697	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	10 ngày làm việc	a) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích. b) Nộp trực tuyến: Nộp trên cổng dịch vụ công cấp tỉnh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản.	Chưa quy định	- Luật 18/2017/QH14; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý[1]	Ghi chú [2]
7	1.004694	Công bố mở cảng cá loại 2	06 ngày làm việc	a) Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. b) Nộp trực tuyến: Nộp trên cổng dịch vụ công cấp tỉnh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	- Cơ quan thực hiện: UBND tỉnh Đồng Nai	Chưa quy định	- Luật số 18/2017/QH14; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý[1]	Ghi chú [2]
8	1.004692	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ)	a) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích. b) Nộp trực tuyến: Nộp trên cổng dịch vụ công cấp tỉnh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản.	Chưa quy định	- Luật 18/2017/QH14; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý[1]	Ghi chú [2]
9	1.004680	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ	a) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích. b) Nộp trực tuyến: Nộp trên cổng dịch vụ công cấp tỉnh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản.	Chưa quy định	- Luật 18/2017/QH14; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý[1]	Ghi chú [2]
10	1.004656	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	- 03 ngày làm việc (xác nhận nguồn gốc), - 07 ngày làm việc (xác nhận mẫu vật)	a) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích. b) Nộp trực tuyến: Nộp trên cổng dịch vụ công cấp tỉnh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản.	Chưa quy định	- Luật 18/2017/QH14; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý[1]	Ghi chú [2]
11	1.004359	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	Thủ tục cấp mới 06 ngày làm việc; Thủ tục cấp lại 03 ngày làm việc	a) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích. b) Nộp trực tuyến: Nộp trên cổng dịch vụ công cấp tỉnh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản.	Cấp mới; cấp đổi do thay đổi nội dung Giấy phép: 40.000đ. Cấp lại: 20.000đ.	- Luật 18/2017/QH14; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP. - Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021;	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý[1]	Ghi chú [2]
12	1.004344	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh	Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Cơ quan được phân cấp: Sở Nông nghiệp và Môi trường. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 - Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý[1]	Ghi chú [2]
13	1.003681	Xóa đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc	a) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích. b) Nộp trực tuyến: Nộp trên cổng dịch vụ công cấp tỉnh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản.	Chưa quy định	- Luật 18/2017/QH14; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP. - Thông tư 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018. - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022.	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý[1]	Ghi chú [2]
14	1.003666	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	02 ngày làm việc	a) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích. b) Nộp trực tuyến: Nộp trên cổng dịch vụ công cấp tỉnh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản.	Chưa quy định	- Luật 18/2017/QH14; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP. - Thông tư 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018. - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022.	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý[1]	Ghi chú [2]
15	1.003650	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc	a) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích. b) Nộp trực tuyến: Nộp trên cổng dịch vụ công cấp tỉnh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản.	Chưa quy định	- Luật 18/2017/QH14; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP. - Thông tư 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018. - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022.	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý[1]	Ghi chú [2]
16	1.003634	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc	a) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích. b) Nộp trực tuyến: Nộp trên cổng dịch vụ công cấp tỉnh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản.	Chưa quy định	- Luật 18/2017/QH14; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP. - Thông tư 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018. - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022.	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý[1]	Ghi chú [2]
17	1.003586	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	03 ngày làm việc	a) Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. b) Nộp trực tuyến: Nộp trên cổng dịch vụ công cấp tỉnh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản.	Chưa quy định	- Luật 18/2017/QH14; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; - Thông tư 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018. - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022.	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý[1]	Ghi chú [2]
II	**CẤP HUYỆN**							
1	1.004498	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi	a) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện. b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. c) Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh.	- *Cơ quan thực hiện:* UBND cấp huyện	Chưa quy định	- Luật 18/2017/QH14; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý[1]	Ghi chú [2]
			quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: 63 ngày					
2	1.004478	Công bố mở cảng cá loại 3	06 ngày làm việc	a) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện. b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. c) Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh.	-Cơ quan thực hiện: UBND cấp huyện	Chưa quy định	- Luật 18/2017/QH14; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý[1]	Ghi chú [2]
3	1.003956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	63 ngày.	a) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện. b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. c) Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh.	*Cơ quan thực hiện:* UBND cấp huyện	Chưa quy định	- Luật 18/2017/QH14; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường*